

Bản án số: 132/2025/DS-PT
Ngày: 04 - 9 - 2025
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang**.

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Diệu**;

Bà **Ninh Thị Kiều Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hoàng Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Thắng** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại số A đường T, phường P, tỉnh Khánh Hòa - Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 161/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 170a/2025/QĐ-PT ngày 15/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng L**, sinh năm 1985 (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ tạm trú: Số C đường T, Tổ dân phố D, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Hồng T**, sinh năm 1976. (Có mặt).

Địa chỉ: Số A đường V, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trịnh Minh T1**, sinh năm 1982 (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị Hồng T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:*

Bà và bà Trần Thị Hồng T có mối quan hệ quen biết với nhau nên bà đã cho bà Trần Thị Hồng T mượn số tiền là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), bà đã nhiều lần yêu cầu bà Trần Thị Hồng T trả lại số tiền đã mượn nhưng bà Trần Thị Hồng T vẫn cố tình không trả. Vào ngày 08/8/2022 bà Trần Thị Hồng T đã tự tay viết giấy hứa hẹn đến ngày 01/9/2022 sẽ hoàn trả cho bà số tiền đã mượn là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, bà Trần Thị Hồng T mới chỉ trả cho bà số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) được chuyển khoản nhiều lần qua số tài khoản ngân hàng tên Nguyễn Thị Hồng L mở tại Ngân hàng S chi nhánh tỉnh N. Như vậy, số tiền bà Trần Thị Hồng T còn nợ là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2024 bà yêu cầu bà Trần Thị Hồng T phải trả số tiền nợ là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) nhưng nay bà xác định chỉ yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà Trần Thị Hồng T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và không yêu cầu bà Trần Thị Hồng T phải trả lãi suất kể từ thời điểm bà Trần Thị Hồng T chậm trả nợ cho bà đến nay.

Về việc bà Trần Thị Hồng T cho rằng đã trả nợ cho bà qua tài khoản của chồng bà là ông Trịnh Minh T1 thì bà cho rằng lời trình bày của bà Trần Thị Hồng T là hoàn toàn không có căn cứ. Bởi vì: Mặc dù bà và ông Trịnh Minh T1 có 01 con chung và có đăng ký kết hôn với nhau nhưng từ lâu vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Ông Trịnh Minh T1 có quan hệ vay nợ tiền bạc gì với bà Trần Thị Hồng T hay không thì bà không biết. Bà khẳng định chỉ cho bà Trần Thị Hồng T mượn tiền và cũng chính tay bà Trần Thị Hồng T đã tự tay viết giấy hẹn trả nợ cho bà chứ trong giấy hẹn trả nợ không có tên ông Trịnh Minh T1 nên việc bà Trần Thị Hồng T cho rằng đã trả nợ cho bà thông qua tài khoản của ông Trịnh Minh T1 là vô lý. Bà Trần Thị Hồng T còn cho rằng rút tiền mặt nhiều lần tại các cây ATM để trả nợ cho bà là bịa đặt. Bởi vì, tất cả những lần bà Trần Thị Hồng T trả nợ cho bà đều thông qua chuyển khoản Ngân hàng chứ không có lần nào trả tiền mặt. Hơn nữa, bà Trần Thị Hồng T là giáo viên, hiểu biết pháp luật

nên không có chuyện bà Trần Thị Hồng T đi rút tiền tại các cây ATM trả nợ tiền mặt mà lại không yêu cầu bên nhận tiền phải ký giấy tờ gì. Vì vậy, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện các chứng cứ của vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trần Thị Hồng T trình bày:*

Vào ngày 01/6/2019 bà có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng L với số tiền 40.000.000 đồng, hàng tháng trả lãi là 7.750.000 đồng x 24 tháng 186.000.000 đồng đến ngày 13/01/2021.

Ngày 13/01/2021 bà trả gốc 10.000.000 đồng. Tiền gốc còn lại là 30.000.000 đồng cho đến ngày 05/6/2022, mỗi tháng trả lãi 6.000.000 đồng. Trả trong vòng 9 tháng với số tiền là 96.000.000 đồng.

Đến ngày 01/9/2022, tiền gốc là 30.000.000 đồng cộng tiền lãi 50.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 80.000.000 đồng.

Bà xác định đã trả đầy đủ số tiền gốc và lãi cho bà Nguyễn Thị Hồng L với lãi mẹ đẻ lãi con, lãi chồng lãi. Việc bà trả tiền cho bà Nguyễn Thị Hồng L được thể hiện qua các tài liệu sao kê tài khoản của bà tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và các bản ảnh chụp màn hình điện thoại đối với các tin nhắn Zalo bà đã nộp cho Tòa án. Trong đó, thể hiện nhiều lần bà đã rút tiền mặt tại các cây ATM để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng L và nhiều lần bà đã chuyển khoản qua số tài khoản của ông Trịnh Minh T1 và bà Nguyễn Thị Hồng L để trả nợ nên hiện nay bà không còn nợ bà Nguyễn Thị Hồng L bất kỳ khoản tiền nào nữa. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L thì bà không đồng ý. Bà yêu cầu Hội đồng xét xử chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P - T (Nay là cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh N) để xem xét khởi tố bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Trịnh Minh T1 về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh T1 trình bày:*

Ông với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L có mối quan hệ là vợ chồng trên giấy đăng ký kết hôn và có 01 người con chung tên Trịnh Minh P, sinh ngày: 29/9/2022, nhưng thực chất hai vợ chồng không thường xuyên sống cùng nhau vì ông và bà Nguyễn Thị Hồng L muốn cho con có đầy đủ cả cha mẹ nên mới làm thủ tục kết hôn vào ngày 18/11/2022. Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông với bà Nguyễn Thị Hồng L không còn sống chung với nhau từ năm 2023 cho đến nay, hai bên không còn liên lạc gì với nhau, mạnh ai nấy sống nhưng chưa làm thủ tục ly hôn.

Đối với bà Trần Thị Hồng T thì ông với bà Trần Thị Hồng T chỉ có quan hệ là tài xế lái xe và khách hàng, bà Trần Thị Hồng T có nhiều lần thuê xe của ông đi Nha Trang, Đà Lạt, Cam Ranh và nhiều nơi khác, sau đó cộng dồn rồi chuyển trả tiền công vận chuyển qua số tài khoản của ông tên Trịnh Minh T1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 với số tài khoản là 0108023050. Việc bà Trần Thị Hồng T cho rằng vào ngày 10/10/2022 bà Trần Thị Hồng T có chuyển trả tiền nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng L qua số tài khoản của ông với số tiền 4.000.000 đồng; vào ngày 22/11/2022 bà Trần Thị Hồng T có chuyển trả tiền nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng L qua tài khoản của ông với số tiền 10.000.000 đồng là hoàn toàn bịa đặt. Bởi vì, giữa bà Nguyễn Thị Hồng L và bà Trần Thị Hồng T có vay nợ tiền bạc gì với nhau thì ông hoàn toàn không biết. Bà Trần Thị Hồng T viết giấy hẹn trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng L thì bà Trần Thị Hồng T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng L còn ông không có nợ nần gì với bà Trần Thị Hồng T thì không có chuyện bà Trần Thị Hồng T lại chuyển tiền trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng L qua số tài khoản của ông vì bà Trần Thị Hồng T cũng có số tài khoản Ngân hàng của bà Nguyễn Thị Hồng L; Còn bà Trần Thị Hồng T chuyển qua tài khoản của ông thì đó là trả tiền công mà ông đã chở bà Trần Thị Hồng T đi lại nhiều lần.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa) quyết định:

Tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 4, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Trần Thị Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 12/4/2025, bị đơn bà Trần Thị Hồng T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa) yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị Hồng T tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa)

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa.

Sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 12 tháng 4 năm 2025 bà Trần Thị Hồng T là bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Hồng T:

[3.1] Căn cứ vào “Giấy hẹn nợ ngày 08/8/2022” (BL 16) Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Hồng L có cho bà Trần Thị Hồng T vay số tiền 80.000.000 đồng (*T2 mươi triệu đồng*), hai bên có ký giấy cho hẹn nợ. Sau đó nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 50.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Bị đơn bà Trần Thị Hồng T cũng thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn và giấy hẹn nợ ngày 08/8/2022 là do bà viết. Tuy nhiên, bà T khẳng định đã trả đầy đủ số tiền gốc và lãi cho bà L. Hiện nay bà không còn nợ bà L bất kỳ khoản tiền nào nữa.

[3.2] Xét tài liệu, chứng cứ mà bị đơn bà T nộp cho Tòa án là bảng sao kê tài khoản của bà Trần Thị Hồng T tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thể hiện có 02 lần bà Trần Thị Hồng T chuyển tiền vào số tài khoản 0108023050 tên Trịnh Minh T1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (BL 49, 50). Cụ thể: bà Trần Thị Hồng T chuyển vào số tài khoản của ông Trịnh Minh T1 với số tiền 4.000.000 đồng ngày 10/10/2022 và 10.000.000 đồng ngày 22/11/2022. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trịnh Minh T1 không thừa nhận bà T đã trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng L thông qua số tài khoản ngân hàng của ông, vì ông không biết việc vay nợ giữa bà L và bà T. Số tiền bà T chuyển tiền qua tài khoản của ông là tiền công mà ông đã chở bà Trần Thị Hồng T đi lại nhiều lần.

Xét thấy: Khi bà T chuyển tiền cho ông T1 đều không ghi rõ nội dung chuyển tiền là trả nợ cho nguyên đơn bà L và ông T1 không thừa nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận chứng cứ này của bà T.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T xác nhận: Khi bà chuyển tiền qua tài khoản cho ông T1 bà không ghi nội dung là tiền trả nợ cho bà L. Bà T cũng thừa nhận trong Giấy hẹn nợ ngày 08/8/2022 không ghi tiền lãi nhưng 02 bên có thỏa thuận miệng về tiền lãi và khi trả tiền lãi bằng tiền mặt cho bà L bà cũng không yêu cầu bà L xác nhận.

Như vậy, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, không cung cấp được tài liệu chứng minh việc giao nhận giữa những lần trả nợ nên không có căn cứ chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, người kháng cáo bị đơn bà Trần Thị Hồng T vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ cho yêu cầu kháng cáo.

[4] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Chấp nhận toàn bộ ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS - ST ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận (Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa) theo hướng đã phân tích.

Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L được Tòa án chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Hồng T không được chấp nhận nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên bố:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Hồng T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa).

Căn cứ vào Điều 4, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 166; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Trần Thị Hồng T phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền **50.000.000** đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị Hồng T phải chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000186, ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Khánh Hòa)

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn Trần Thị Hồng T phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001218 ngày 24/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - Khánh Hòa)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự (03);
- VKSND tỉnh Khánh Hòa (1);
- TAND khu vực 5 - Khánh Hòa (1);
- Phòng THADS khu vực 5 - Khánh Hòa (1);
- Phòng GDKT, TT&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Trang